

Số: 97/2019/QĐST- NHGD

Hà Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147- BLTTDS; khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 5 điều 27 NQ 326 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; điểm b, c mục 1.3 khoản 1 phần II Danh mục án phí lệ phí

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành được lập ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 214/2018/TLST- NHGD ngày 03 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị M; địa chỉ: SN 270, khu 3, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Ông Trần Văn T; địa chỉ: Trường Tiểu học C, huyện M, tỉnh Hà Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T; địa chỉ: tổ 16, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Ông Trần Văn T được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 01 mảnh đất có chiều rộng ngang phía Tây giáp đường N: 04m; phía Đông giáp phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rộng: 04m; phía Bắc giáp đất nhà ông V (nay là nhà ông T) dài 22,3m; phía Nam giáp đất nhà ông H (nay là đất nhà ông H1) dài 22,3m. Tổng diện tích đất là 89,2m² tờ bản đồ 27 số thửa 18, loại đất ODT, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 172314 ngày 22/6/2000

mang tên hộ ông Trần Văn T; trên đất có 01 nhà xây 3 tầng (1 tầng âm, 2 tầng nổi, gác xếp lửng, xây dựng năm 1995, diện tích các tầng: tầng âm $29,5m^2$; tầng 1: $40,8m^2$; tầng 2: $16,2m^2$; công trình phụ trên đất gồm 01 bể trên mái kích thước $2,01m^3$, bể nước tiếp giáp với bếp kích thước $4,77m^3$, giếng nước đường kính 0,8m, bể phốt (nhà và công trình phụ nằm toàn bộ trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số 172314 ngày 22/6/2000 mang tên hộ ông Trần Văn T. Địa chỉ thửa đất và nhà: Tổ 16, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Tạm giao cho ông T sử dụng phần diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng có diện tích $22,4m^2$, phía Tây tiếp giáp với phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rộng 4m; phía Đông giáp S rộng 4m; phía Nam giáp đất nhà ông H1 dài 5,6m; phía Bắc giáp đất nhà ông T dài 5,6m; trên đất có 01 cây mít đường kính khoảng 45cm.

+ Ông T được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 01 mảnh đất có vị trí ranh giới: Phía Bắc giáp đường dân sinh và hành lang đường điện rộng 3,5; phía Nam giáp rãnh nước công cộng chiều rộng vuông góc thửa đất là 3,5m; phía Tây giáp đất nhà ông Tr, có chiều dài 21m; phía Đông giáp đất nhà ông T, có chiều dài 19,3m. Tổng diện tích thửa đất là $69,7m^2$ thuộc tờ bản đồ 19, số thửa 92C loại đất ở, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 540191 ngày 25/02/2004. Địa chỉ thửa đất tổ 04, phường M, thành phố H; trên đất có 01 nhà xây cấp 4, tường xây gạch chỉ 110, xà gồ thép, mái lợp tôn, nền láng xi măng vữa, diện tích $98m^2$ (trong đó diện tích nhà xây dựng trên đất có giấy CNQSD đất là $69,7m^2$). Tạm giao cho ông T sử dụng phần diện tích nhà $28,3m^2$ xây dựng vào phần hành lang đường dân sinh và hành lang an toàn lưới điện.

(Toàn bộ diện tích nhà, đất có sơ đồ chi tiết kèm theo)

+ Ông Trần Văn T có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị M số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) giá trị chênh lệch tài sản chung, thời hạn trả tiền trước ngày 30/8/2019.

Kể từ ngày quá thời hạn thỏa thuận nêu trên mà bên phải thi hành án không thực hiện việc thanh toán và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thẩm định: Ông T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định 2.000.000đ (đã thi hành xong).

3. Về án phí:

+ Ông T phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng là $237.827.000 \times 2,5\% = 5.945.000đ$ (Năm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

+ Bà M phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng là 600.000.000 ($400.000.000 = 20.000.000đ$); $(200.000.000 \times 4\% = 8.000.000đ)$; $20.000.000 + 8.000.000 = 28.000.000đ : 2 = 14.000.000đ$ (Mười bốn triệu đồng). Được khấu trừ vào số tiền án phí bà M đã nộp theo quyết định của bản án phúc thẩm số 07/2017/HNGĐ-PT, ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang là 19.864.500đ (BL số 0000040 ngày 12/01/2018 và BL số 04899 ngày 26/01/2018). Trả lại cho bà M số tiền 5.864.500đ án phí chênh lệch và trả lại cho bà M số tiền 22.126.800đ tiền án phí do cơ quan Thi hành án thực hiện việc khấu trừ nghĩa vụ án phí của ông T theo BL số 0000211 ngày 27/6/2018. (Theo Công văn số 115/CV-CCTHADS, ngày 23/7/2018 về việc thông báo kết quả thi hành án dân sự của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang).

+ Trả lại cho bà M số tiền 4.050.000đ do rút yêu cầu khởi kiện bổ sung theo biên lai số 01157 ngày 25/5/2019 của Chi Cục THA dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Bình